TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin.

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1283/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 12 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hồng T chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 2 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không giải quyết được mâu thuẫn trong gia đình, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2018. Từ khi ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim T về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn và con chung. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 10 năm 2018. Nguyên nhân là do chị T về bên nhà ba mẹ ruột đám giỗ sau đó không về nữa cho đến nay, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì. Anh không đồng ý với nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân do chị T trình bày trên. Nay, chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Anh muốn được đoàn tụ với vợ để cùng chăm sóc cho con, mâu thuẫn vợ chồng vẫn có thể giải quyết được .

Về con chung: Vì con còn nhỏ nên trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2018, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T; anh T hiện đang thường trú tại ấp H, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hồng T chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn, nên anh chị sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên kiên quyết ly hôn với anh T. Ngược lại anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị T trình bày trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cũng đã được gia đình hai bên giải quyết nhưng không thành. Anh T trình bày không có mâu thuẫn nhưng giữa anh và chị T lại sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay và tại phiên tòa, anh T cũng không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, từ ngày Tòa án tiến hành hòa giải (ngày 21/01/2018) cho đến nay, chị T và anh T vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh, anh T cũng không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, cho thấy dù đã cố gắng nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh T thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2018. Từ khi ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy sự tự thỏa thuận của chị T và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Nguyễn Hồng T về việc "Ly hôn".

Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2018. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003755 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã G;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh